CÔNG AN TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN

Số: 01/TB-BVCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá mua sắm Hóa chất xét nghiệm, Vật tư y tế, Sinh phẩm chẩn đoán để phục vụ công tác khám chữa bệnh, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hóa, địa chỉ: 68 Cửa Tả, Phường Ba Đình, TP.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Dược sỹ Đồng Thị Lợi - Khoa Dược, SĐT: 0946.579.333

Email: dongloicath@gmail.com.

3. Cách thức nhận báo giá

- Nhận trực tiếp tại Khoa Dược - Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hóa, địa chỉ: 68 Cửa Tả, Phường Ba Đình, TP.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

- Nhận qua Email: dongloicath@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày đăng tải thông báo mời chào giá.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa : (*Có danh mục chi tiết gửi kèm*)

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Khoa Dược - Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hóa, địa chỉ: 68 Cửa Tả, Phường Ba Đình, TP.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa. Yêu cầu báo giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bảo quản và toàn bộ các chi phí có liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Theo từng đợt, trong vòng 12 tháng kể từ ngày 2 bên ký kết hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

- Thời hạn thanh toán: 90 ngày kể từ ngày giao hàng và công ty xuất trình đầy đủ chứng từ thanh toán.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: BV (KD).

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Thượng tá Hồ Sỹ Đàn

BỆNH VIỆN CÔNG AN THANH HÓA

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông báo yêu cầu báo giá ngày 30/11/2023 của Bệnh viện)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I. HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO CÁC MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC α, HÃNG SẢN XUẤT: NIHON KONDEN				
1	Hóa chất dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	ml	306,000
2	Hoá chất rửa thường dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	ml	25,000
3	Hóa chất dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	ml	10,000
4	Hóa chất dùng để rửa đường dịch	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit	ml	5,000
II. HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO CÁC MÁY XÉT NGHIỆM AU480, HÃNG SẢN XUẤT: BECKMAN COULTER				
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. Thành phần:4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 µkat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 µkat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 µkat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 µkat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 µkat/L);	ml	1,120

2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 µmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour. Thành phần:Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0.15 mmol/L;4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Uricase ≥ 0.25 kU/L (4.15 µkat/L);	ml	360
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	ml	750
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 0.9 kU/L; MDH ≥ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	ml	750
5	Chất định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 µmol/L ; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	ml	1,050
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP ≥ 2,0 mmol/L, Hexokinase ≥ 0,59 kU/L, G6P-DH ≥ 1,58 kU/L	ml	2,000
7	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.	ml	60
8	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật.	ml	60

9	Hóa chất chuẩn dành cho các xét nghiệm thường quy	Huyết thanh hiệu chuẩn Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.	ml	60
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol: Xét nghiệm tuyến tính trong phạm vi nồng độ 0.5-18mmol/L	ml	420
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Gamma Glutamyl transferase (GGT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L;L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L	ml	600
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ure/Urea nitrogen	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH ≥ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9.8 mmol/L ;Urease ≥ 17.76 kU/L; GLDH ≥ 0.16 kU/L	ml	300
13	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%	ml	20,000
14	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour . Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L;	ml	100
15	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).	ml	72
16	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL.. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người).	ml	24

17	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). Thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL;F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L	ml	100
18	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholessterol và LDL-Cholesterol (người)	ml	120
19	Định lượng Albumin và huyết thanh	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin; Thành phần: Succinate buffer (pH 4.2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0.2 mmol/L; Phương pháp: Bromocresol Green; Dải tuyến tính: 15 – 60 g/L (1,5 – 6,0 g/dL); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 0,58%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 0,99%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 17 test	ml	100
20	Định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L; Phương pháp: Photometric; Dải tuyến tính: 30–120 g/L (3–12 g/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 0,50%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 0,84%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	ml	100
21	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp; Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L; Phương pháp: DPD; Dải tuyến tính: 0 – 171 µmol/L (0 – 10 mg/dL); Bước sóng: 570 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 7,5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	ml	100
22	Định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần; Thành phần: Caffeine 2,1 mmol/L; 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L; Surfactant; Phương pháp: DPD; Dải tuyến tính: 0–513 µmol/L (0–30 mg/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,03%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,59%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	ml	100

23	Đo hoạt độ Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α-amylase; Thành phần: MES (pH 6,05) 36,1 mmol/L; Calcium acetate 3,60 mmol/L; NaCl 37,2 mmol/L; Potassium thiocyanate 253 mmol/L; CNPG3 1,63 mmol/L.; Phương pháp: CNPG3; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: 10 – 2000 U/L (0,2 – 33,3 µkat/L), Nước tiểu: 5 – 4800 U/L (0,1 – 80 µkat/L) ; Bước sóng: 410 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 1,58%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,64%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	ml	100
III. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HbA1C ADAMT TM 8380V; 8180V, HÃNG SẢN XUẤT:ARKRAY				
1	Chất rửa 80A	Thành phần gồm: Sodium azide: <=0.01 %; Oxidizing agent: <=0.7%; Phosphate: <=1%.	ml	12,000
2	Chất rửa 80B	Thành phần gồm: Sodium azide: <=0.06%; Oxidizing agent: <=3%; Phosphate: <=2%.	ml	3,600
3	Chất rửa 80CV	Gồm: Sodium azide : <=0.01%; Oxidizing agent:<=0.3%; Phosphate: <=1%.	ml	3,600
4	Dung dịch rửa tan máu 80H	Dung dịch dùng để pha loãng máu toàn phần và rửa đường ống Thành phần: Sodium azide<=0.02% Phosphate<=0.1% Surfactant<=0.1%	ml	36,000
5	Cột sắc ký	Cột được chế tạo bằng vật liệu SUS (thép không gỉ) và nắp xoắn hai đầu được làm từ PEEK (polyether ether ketone) Thành phần: Hydrophilic polymer of methacrylate esters copolyme	ml	1
6	Dung dịch rửa máy	Thành phần gồm: Nonionic Surfactant: 1- 5%; Inorganic salf: 1-5%; Antiseptic: 0.1- 1%; Pure water: 85-95%.	ml	250

IV. HÓA CHẤT CHẠY MÁY XÉT NGHIỆM TỰ ĐỘNG HA3 0H19032, HÃNG SẢN XUẤT: NORMA INTRUMENTS ZRT				
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm huyết học 3 thành phần	Thành phần: Buffers <1.0%, Preservatives <0.5%, Sodium chloride <1.5%, Surfactants <3.5%, ion-free water	Pack	2
2	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Thành phần: Detergents <1.0%, Sodium hypochlorite <5.0%, Stabilizers <0.4%, Sodium hydroxyde <1.0%, ion-free water	ml	100
3	Hóa chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm huyết học 3 thành phần	Bao gồm 3 mức, mỗi mức 2,5 mL chất kiểm chứng chứa các thành phần có nguồn gốc từ người đã được kiểm tra và cho kết quả âm tính với xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HIV, kháng thể kháng HCV và kháng nguyên HBs	ml	8
IV. HÓA CHẤT, VẬT TƯ CHẠY MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG LIAISON, HÃNG SẢN XUẤT: DIASONRIN				
1	Chất mồi phản ứng	Dạng dung dịch Thành phần: Starter 1 chứa Chất xúc tác, dung dịch natri hydroxid. Starter 2 chứa Hydrogen peroxid	ml	1,380
2	Dung dịch rửa hệ thống	Dung dịch rửa hệ thống, sử dụng để rửa giữa các xét nghiệm miễn dịch. Thành phần: Dung dịch đệm phosphate, natri azide	ml	6,000
3	Đầu côn dùng một lần	Đầu côn dùng một lần	Cái	576
4	Cóng phản ứng	Cóng phản ứng	Cái	1,800
5	Dung dịch kiểm tra hệ thống	Dạng bột đông khô hoặc tương đương	ml	24
6	Dung dịch làm sạch ống và kim rửa, dùng cho máy LIAISON XL	Thành phần bao gồm: LIAISON XL CLEAN Integrals (2 khay) và CLEAN Solution vial (10 lọ x 3,5 mL) chứa dung dịch natri hypoclorit	Hộp (10x3. 5mL+2 integra ted)	1
7	Định lượng HBsAg	Xét nghiệm HBsAg. Miễn dịch HPQ, kẹp, hai bước, định lượng. Dải đo: 0.03 - 150 IU/mL	Test	200
8	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBsAg Quant	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBsAg. Dạng dung dịch	ml	16

9	Dung dịch pha loãng mẫu cho xét nghiệm LIAISON® XL Murex HBsAg Quant	Dung dịch pha loãng mẫu cho xét nghiệm HBsAg	ml	50
10	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 1	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 1. dạng bột đông khô	ml	20
11	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 2	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 2. dạng bột đông khô	ml	20
12	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 3	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 3. dạng bột đông khô	ml	20
13	T3	Xét nghiệm định lượng T3. Miễn dịch HPQ cạnh tranh, một bước. Định lượng, Dải đo: 0 - 800 ng/dL	Test	100
14	FT3	Xét nghiệm định lượng FT3. Miễn dịch HPQ kỹ thuật kháng nguyên liên kết pha rắn cạnh tranh, hai bước. Định lượng, dải đo: 0 - 30 pg/mL	Test	100
15	T4	Xét nghiệm định lượng T4. Miễn dịch HPQ cạnh tranh, một bước. Định lượng, Dải đo 0 - 40 µg/dL	Test	100
16	FT4	Xét nghiệm định lượng FT4. Miễn dịch HPQ kỹ thuật kháng nguyên liên kết pha rắn cạnh tranh, một bước. Định lượng, dải đo: 0 - 10 ng/dL hoặc 0 - 128.7 pmol/L	Test	100
17	TSH	Xét nghiệm định lượng TSH. Miễn dịch HPQ kẹp, một bước. Định lượng, dải đo: 0 - 100 mIU/L	Test	100
18	Anti - HBc	Miễn dịch HPQ, cạnh tranh, hai bước, định tính. Dải đo: ngưỡng 1,0 index value	Test	100
19	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm anti-HBc	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm anti-HBc. Dạng dung dịch	ml	12
20	HBc IgM	Miễn dịch HPQ, hai bước, định tính. Dải đo: ngưỡng 1,0 index value	Test	50

21	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBc IgM	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBc IgM. Dạng dung dịch	ml	2
22	HBeAg	Miễn dịch HPQ, kẹp, một bước, định lượng. Dải đo: 0.01 - 120 PEI U/mL	Test	100
23	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBeAg	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBeAg. Dạng dung dịch	ml	15
24	anti-Hbe	Miễn dịch HPQ, kẹp, một bước, định tính. Dải đo: ngưỡng 1,0 index value	Test	100
25	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm anti-Hbe	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm anti-Hbe. Dạng dung dịch	ml	15
26	Anti-HAV	Miễn dịch HPQ, cạnh tranh, hai bước, định tính. Dải đo: ngưỡng 1,0 index value	Test	100
27	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm anti-HAV	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm anti-HAV. Dạng dung dịch	ml	14
28	HAV	Miễn dịch HPQ, hai bước, định tính. Dải đo: ngưỡng 1,0 index value	Test	100
29	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HAV IgM	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HAV IgM. Dạng dung dịch	ml	3
30	HCV	Miễn dịch HPQ, gián tiếp, hai bước, định tính. Dải đo: ngưỡng 1,0 S/CO	Test	100
31	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm XL HCV Ab	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm XL HCV Ab. Dạng dung dịch	ml	4
32	HIV Ab/Ag	Miễn dịch HPQ, kẹp, hai bước, định tính. Dải đo: Ngưỡng 1,0 S/CO	Test	200
33	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HIV Ab/Ag	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HIV Ab/Ag. Dạng dung dịch	ml	14
34	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm anti-HBs II	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm anti-HBs. Dạng dung dịch	ml	10

35	anti-HBs	Miễn dịch HPQ, kẹp, một bước, định lượng. Dải đo: 3 - 90000 mIU/mL	Test	200
36	Anti-HDV	Miễn dịch HPQ, gián tiếp, hai bước, định tính. Dải đo: 0.1 - 30 AU/mL	Test	100
37	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-HDV	Dạng dung dịch Thành phần: Chất kiểm chứng âm tính gồm: Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng đối với kháng thể kháng HDV, 0,2% ProClin 300, chất bảo quản. Chất kiểm chứng dương tính gồm: Huyết thanh/huyết tương người phản ứng đối với kháng thể kháng HDV (đã bất hoạt), 0,2% ProClin 300, chất bảo quản	ml	4
V. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG CHO KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC 2 MẮT CX23, HÃNG SẢN XUẤT: OLYMPUS				
1	Dung dich Xylene	Xylene cho mô học. Ngoại quan: chất lỏng trong suốt không chứa các hạt lơ lửng Màu sắc:APHA20max Độ ẩm:tối đa 0,05% Tỷ trọng ở 15°C:0.87 kg/l +- 0.005 Tính axit:không có Điểm sôi:137°C tối thiểu Điểm khô:143°Cmax Độ tinh khiết (hỗn hợp các đồng phân xylene) aromatC8:min98,5% Hàm lượng không thơm: tối đa 1,5% Benzen: tối đa 100mg/kg Lưu huỳnh:max5 mg/kg Màu rửa axit:max6 Ăn mòn đồng:max1 Thành phần: XYLENE (MIXTURE OF ISOMERS)	ml	5,000
2	Bộ nhuộm Gram	Thành phần: là Crystal Violet, Lugol c, Decolor (alcohol-acetone) và Safranine Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranine chai 100ml. Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm Đóng gói: Bộ 4 chai x 100ml có vòi bơm tiện dụng	Bộ	1

3	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi - Immersion oil Dầu soi kính khi sử dụng dùng để quan sát các vật mẫu có kích thước nhỏ quan sát nhân tế bào hoặc vi khuẩn độ phóng đại 10x100=1000 lần. Làm tăng độ chiết quang của môi trường thu hẹp khoảng cách và tăng độ truyền quang vì vậy hình ảnh đưa ra rõ nét tốt hơn và sẽ không làm ảnh hưởng đến mắt. Chỉ số khúc xạ (n/20D): 1.515 - 1.517 Tỉ trọng: 1.0245 - 1.0265 Độ truyền (380nm; 1cm): 65% Độ truyền ở (400nm; 1cm): 78% Độ truyền ở (450 nm; 1cm): ≥ 90 % Độ nhớt (20 °C) 100 - 120 mPa·s Độ huỳnh quang (as quinine at 365 nm): ≤ 1500 ppb	ml	1,000
4	Lam kính	Chất liệu: Thủy tinh natri cacbonat mài mờ một đầu, cạnh sắc Kích thước 76,2x25,4mm Độ mỏng 1-1,2mm Màu sắc: Trong suốt Cân nặng: 7.2g	Cái	200
5	Lam men	Lamen 22x22mm Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm	Cái	200
VI. HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ				
1	Bơm tiêm 5ml	Dung tích 5ml kèm kim các cỡ. Bơm được sản xuất từ nhựa y tế. Vạch chia dung tích rõ nét. Không chứa độc tố DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Đầu kim vát 3 cạnh, được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	Cái	20,500
2	Bơm tiêm 10ml	Dung tích 10ml kèm kim các cỡ. Bơm được sản xuất từ nhựa y tế. Vạch chia dung tích rõ nét. Không chứa độc tố DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Đầu kim vát 3 cạnh, được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	Cái	10,300

3	Kim tiêm dùng một lần các số	Dùng lấy thuốc và máu, độ dài và đường kính kim có nhiều kích cỡ theo tiêu chuẩn quốc tế, độ vát mũi kim góc khoảng 12°. Mũi kim vát 3 cạnh. Kim được làm từ thép không rỉ loại 304 từ Nhật Bản, được tráng silicon giúp cho tiêm vào da trơn nhẵn, nhẹ nhàng..Đế kim bằng nhựa Polypropylene, đốc kim bằng nhựa y tế không có DEHP. Nguyên liệu không có chất độc hại và chất gây sốt (Pyrogen). Kích cỡ: 1.2mm (18GX 1 1/2"); 0.9mm (20GX1 1/2"); 0.8mm (21GX1 1/2"); 0.6 mm (23GX1"); 0.5mm (25G); 0.45mm (26G). Đóng gói vô trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Cái	2,400
4	Bông hút nước y tế	Bông hút nước y tế thành phần chính Cellulose. * Chỉ tiêu chất lượng: 1/ Các sợi khác: Không có sợi nào nhuộm màu 2/ Chất màu chiết được: Dung dịch màu trắng đến vàng nhạt 3/ Chất tan trong ether: không quá 0,5% KL 4/ Chất tan trong nước: Không quá 0,5% KL 5/ Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8% KL 6/ Tro sulfat: Không quá 0,4% KL 7/ Tốc độ thấm hút: ≤8 giây	Kg	48
5	Băng dính lụa	Kích thước 2,5cm x 9,1m- Băng có cấu tạo nền vải lụa : 50 - 70%, Phủ lớp keo Acrylate (30-50%), Polyme: < 1%, không chứa mủ cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra.- Có thể được xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện- Bền chắc, thông thoáng cho da, chống thấm nước.	Cuộn	510
6	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nội soi	Thành phần: 2% Glutaraldehyde dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563 Tái sử dụng trong 30 ngày	Lít	60
7	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ cao.	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế chứa thành phần Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-8. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Tặng kèm test thử. Không gây ăn mòn dụng cụ.	Lít	50

8	Phim XQ khô 20 x 25 cm dùng cho máy in phim Drypix 6000 FujiFilm	Phim X- quang laser kích thước 20x25 cm. Độ nhạy và độ tương phản được thiết kế phù hợp với hệ thống in phim khô laser Fuji. Mật độ quang tối đa 3.3	Tờ	2,400
9	Phim XQ khô 20 x 25 cm dùng cho máy in phim AGFA	Nền PET dày 168 µm, phủ lớp muối bạc nhạy nhiệt Tính chất nhạy nhiệt giúp thay phim dễ dàng dưới môi trường sáng thông thường Chứng nhận ISO 13485, CE	Tờ	2,400
10	Ống EDTA nắp cao su	Ống nghiệm nhựa Polyethylene Terephthalate. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu từ 2.0ml đến 8ml - Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid Tripotasium (EDTA K3) - Nắp đậy ống nghiệm: nắp cao su bọc nhựa, nắp xoắn vặn.	Cái	6,000
11	Que đè lưỡi gỗ	Chất liệu gỗ. Kích trước 150mm x 2mm x 20mm. Đóng gói vô trùng	Cái	1,500
12	Găng khám bệnh	Găng tay có bột, thành phần latex cao su có hàm lượng Protein thấp.Hàm lượng bột: tối đa 10mg/dm2Cỡ số (rộng; dài tối thiểu): Cỡ 6 (≤ 82mm; 220mm); Cỡ 6,5 (83 ± 5mm; 220mm); Cỡ 7 (89 ±5mm; 230mm); Cỡ 7,5 (95 ± 5mm; 230 mm); Cỡ 8 (102 ± 6mm; 230mm); Cỡ 8,5 (108 ± 6mm;230mm)Lực kéo đứt và độ giãn dài khi đứt của găng tay; Độ bền kéo và độ giãn dài khi đứt của găng tay: tối thiểu phải đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam về găng tay khám bệnh (TCVN 13397:2021)	Đôi	39,200
13	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Thành phần latex cao su có hàm lượng Protein thấp.. Có các số từ 6 đến 8.5.Đóng gói vô trùng đơn chiếc. Cỡ số (rộng; dài tối thiểu): Cỡ 6 (≤ 82mm; 275mm); Cỡ 6,5 (83 ± 5mm; 275mm); Cỡ 7 (89 ± 5mm; 282mm); Cỡ 7,5 (95 ± 5mm; 282 mm); Cỡ 8 (102 ± 6mm; 282mm); Cỡ 8,5 (108 ± 6mm; 282mm) - Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa: 12,5N - Lực kéo đứt tối thiểu sau khi già hóa: 9,5N - Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa: 700% - Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa: 550% - Lực kéo tối đa tại độ giãn dài 300% trước khi già hóa nhanh: Max 2,0N - Độ bền kéo tối thiểu trước khi già hóa: 24 MPa - Độ bền kéo tối thiểu sau khi già hóa: 18 MPa	Đôi	1,400

14	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, không có Formaldehyde, vô khuẩn. Gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6,5-7,5	Lít	80
15	Ống Heparin	*.Kích thước 12x75mm. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na+, K+, Ca2+, Cl-... trừ Li+. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, thể tích vừa đủ kháng đông cho 2ml máu.. * Ống nghiệm nhựa chịu được lực quay ly tâm 4000 vòng/phút trong thời gian 5 phút.	Cái	11,000
16	Khẩu trang dùng 1 lần	Có 02 lớp vải không dệt và ở giữa là lớp lọc kháng khuẩn , quai đeo mềm. Vải không dệt Giấy lọc kháng khuẩn, dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	7,150
17	Giấy siêu âm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony, Mistubishi + Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. + Kích thước 110 mm × 20 m	Cuộn	200
18	Cồn 70	Nồng độ hàm lượng Ethanol đạt: 70%.- Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng- Quy cách: Can 30 lít- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016	Lít	86
19	Oxy già	Thành phần H2O2 30%, Chai 500ml	Lít	50
20	Cốc đựng mẫu (Sample cup)	Màu sắc trong suốt, dung tích 2ml, chiều dài 40mm, đường kính 12mm. Dùng trong phòng xét nghiệm y tế	Cái	3,000
21	Đầu côn xanh	Chất liệu PP (Polypropylen) trong suốt, màu xanh da trời, được dùng để lắp đồng bộ với pipet 1000 µm dùng để hút, lấy mẫu các loại dung dịch.	Cái	3,000
22	Dung dịch cồn rửa tay khử khuẩn	Thành phần chính: 75% Ethanol (tt/tt), Isopropyl Alcohol 8% (tt/tt), Chlorhexidine Digluconate 0,5%(tt/tt). pH nằm trong khoảng 5-7	Lít	120
23	Kim châm cứu 1 lần loại 40mm	Sản phẩm đã được tiệt trùng (vô khuẩn). Thân kim có sự dẻo dai tốt, sau khi thử nghiệm không có sự nứt gãy hoặc gấp. Kích thước: 0.3*40mm	Cái	30,000
24	Kim châm cứu 1 lần loại 50mm	Sản phẩm đã được tiệt trùng (vô khuẩn). Thân kim có sự dẻo dai tốt, sau khi thử nghiệm không có sự nứt gãy hoặc gấp. Kích thước: 0.3*50mm	Cái	20,000

25	Kim châm cứu 1 lần loại 75mm	Sản phẩm đã được tiệt trùng (vô khuẩn). Thân kim có sự dẻo dai tốt, sau khi thử nghiệm không có sự nứt gãy hoặc gấp. Kích thước: 0.3*75mm	Cái	15,000
26	Que test đường huyết dùng cho máy Accu - chek Active	Que thử được đóng gói trong lọ chống ẩm, giúp bảo vệ độ chính xác cho que thử khỏi tác nhân môi trường. Sử dụng công nghệ cảm ứng quang học và chống oxy hóa. Sử dụng thẻ mã hóa tự động. Công nghệ cảm ứng điện cực. Cho kết quả chỉ trong vòng 5 giây.	Test	250
27	Que test nước tiểu dùng cho máy Clinitek Status, Siemens - Anh	Cho độ chính xác cao. Hộp đựng kín gió, chống ẩm bảo vệ que thử an toàn tuyệt đối. Dễ sử dụng, phù hợp với tất cả mọi người	Test	500
28	Que test nước tiểu dùng cho máy Uro-dip check 240e, Erba - Đức	Thanh thử nước tiểu 10 thông số được cấu tạo trên một dải nhựa, trên đó có 10 thuốc thử khác nhau Dùng để kiểm tra các thông số Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU)	Test	1,000
29	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ.	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa)pH = 6.8-7.3Thời gian: từ 5 phútPhù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau	Lít	15
30	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn hòa tan được trong nước, dùng phổ biến trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thụt rữa âm đạo, nội soi trực tràng, đại tràng	Gam	1,640
31	Chỉ Nylon đơn sợi số 4/0	Chỉ không tiêu liền kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 4/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8, dài 19mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	Sợi	470

32	Chỉ không tiêu số 3/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi liền kim số 3/0 chất liệu Polyamide , lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chỉ số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 20 mm. Đóng gói vô trùng	Sợi	370
33	Chỉ không tiêu số 5/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi số 5/0 chất liệu Polyamide , lớp bao phủ bằng silicon. Kim thép không gỉ, phủ silicon. Chỉ số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm.	Sợi	370
34	Chỉ tơ phẫu thuật	Dài 100m,tiệt trùng, không tan - Chất liệu: bằng sợi tơ tằm	Cuộn	3
35	Kim khâu da 3 cạnh	Kim phẫu thuật được thiết kế để dẫn sợi chỉ xuyên qua tổ chức sao cho dễ dàng và ít gây tổn thương tổ chức nhất. Nó có ba thành phần chính là lỗ kim, thân kim và đầu kim.+ Lỗ kim: có thể là mở, kín hoặc rập khuôn. Kim có lỗ kim mở (kim bật chỉ hay kim kiểu Pháp) dễ xâu chỉ nhưng có lỗ kim to nên gây tổn thương tổ chức nhiều. Kim có lỗ kim kín (kim xâu chỉ) cũng có phần lỗ kim to hơn sợi chỉ nên cũng bị nhược điểm như trên. Kim có lỗ kim rập khuôn (một đầu sợi chỉ được rập cắm trực tiếp vào lỗ khuôn ở đuôi kim, còn gọi là loại kim liền chỉ) ít gây tổn thương tổ chức nhưng giá thành cao.+ Thân kim: có thể thẳng hoặc cong, có nhiều cỡ độ to, độ dài và độ cong khác nhau. Khi nhìn theo lớp cắt ngang, thân kim có thể là hình tròn, tam giác hoặc dẹt.+ Mũi kim: có thể là loại mũi cắt, mũi thon nhọn hoặc mũi tù. Mũi cắt được dùng để khâu xuyên qua các tổ chức chắc như da. Mũi thon nhọn được dùng ở những tổ chức mềm, dễ bị rách như ở cơ, ruột. Còn mũi tù được dùng để khâu các tổ chức dễ bở nát	Cái	100
36	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước 63mm*30m*17 mm, chất liệu bằng giấy in nhiệt và có 1 mặt được in dòng kẻ sẵn đếm nhịp điện tim	Cuộn	50
37	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước 140mm*110m, chất liệu bằng giấy in nhiệt và có 1 mặt được in dòng kẻ sẵn đếm nhịp điện tim	Cuộn	100
38	Test ma túy 4 chân	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Morphine, Amphetamine, Methamphetamine, THC	Test	20,000

39	Ống giấy thổi nồng độ cồn	Kích thước 24mm x 75mm dùng 1 lần	Cái	20,000
40	Test nhanh HIV	Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Phát hiện các type kháng thể IgG, IgA,...đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2 Độ nhạy: 99.8%, Độ đặc hiệu: 100%, Độ chính xác 100% Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab.	Test	1,200
41	Test nhanh viêm gan B	Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tươngPhát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tươngĐộ nhạy:100%, Độ đặc hiệu: 99.88%, Độ chính xác: 99,91%Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04Vạch kết qủa IgG chuột kháng HBsAg-B20Vạch chứng IgG dê kháng chuộtBảo quản ở nhiệt độ thườngNgưỡng phát hiện 1ng/ml	Test	1,200
42	Test sốt xuất huyết	Định tính phát hiện kháng thể IgG và/hoặc IgM kháng vi rút Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người, có 4 kiểu huyết thanh khác nhau là DEN-1, DEN-2, DEN-3 và DEN-4. Hoạt chất chính: kháng nguyên Dengue tái tổ hợp, kháng thể kháng IgM người và kháng thể kháng IgG người. Quy cách: 30test thửu trong túi riêng; 30 ống nhỏ giọt; 1 lọ dung dịch đệm. Độ nhạy 96,9%; Độ chính xác tương quan: 98,7%. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HIV, HCV, HBV, HEV, Syphilis, RF. Đọc kết quả tại 15 phút. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	500
43	Test nhanh viêm gan C	Định tính phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần : Protein A , HCV Antigen, Chicken anti Protein A. Độ nhạy >99.53%, độ đặc hiệu: 99.64%, độ chính xác: 99.75%. Dạng que. Đọc kết quả sau 10 phút. Ngưỡng phát hiện : nồng độ pha loãng 1:400 từ mẫu HCV	Test	1,200
44	Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh	Chất liệu thủy tinh dùng để đựngnước tiểu xét nghiệm. đường kính 16mm, cao 160mm.	Cái	2,000

45	Gạc cuộn	Gạc cuộn rộng 10cm × dài ≥ 5m. Được làm từ gạc màu trắng, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín, 100% sợi bông. Hai đầu cuộn không lệch, không có xơ, dễ xé ngang. Độ lệch sợi: Không quá 5 sợi mỗi bên. Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. Hút nước trung bình 1 gam gạc giữ được 3 gam nước trở lên. Độ ẩm: Không quá 8%	Cuộn	400
46	Gạc thấm	Gạc thấm khổ 0,8m.Sản xuất từ vải gạc dệt- Tốc độ hút nước: Thời gian chìm không quá 10 giây- Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên- Độ ẩm: không quá 8%- Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính- Không có tinh bột hoặc Dextrin- Các chất tan trong nước: không quá 0,5%.- Đóng gói vô trùng	Mét	650
47	Hộp giấy an toàn đựng bơm tiêm	Chất liệu: Giấy Duplex kháng thủng Màu sắc: Màu Vàng Y tế Kích thước: 150 x 120 x 270mm Dung tích: 5L	Cái	140
48	Lưỡi dao mổ tiệt trùng	Chất liệu Carbon, các cỡ khác nhau số 10, 11, 15, 20, 21, lắp được vào tất cả cán giao mổ kim loại, nhựa...Sử dụng một lần.	Cái	400
49	Nước cất 2 lần	Nước cất 2 lần dùng trong vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế	Lít	20
VII. HÓA CHẤT, VẬT TƯ NHA KHOA				
1	Xi măng trám Fuji II	Là vật liệu phục hồi có ưu điểm bám dính tốt vào men, đồng thời có khả năng phóng thích Fluor vì vậy có tác dụng dự phòng sâu răng, Fuji 2 là vật liệu trám GIC hóa trùng hợp đa năng. Kết cấu pha thủy tinh chứa strontium nên có độ cản quang tốt. Độ hòa tan thấp, miếng trám bền vững trong môi trường miệng. Hiệu quả trám xoang II và xoang V, các trường hợp mòn khuyết răng hóa học, trám răng sữa hoặc tái tạo cùi. Liên kết hóa học với cấu trúc ngà răng và men răng, sử dụng đơn giản. Độ hòa tan thấp và có tính cản quang.	Gam	180

2	Xi măng trám Fuji IX	Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có ưu điểm bám dính tốt vào men, có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng Độ giãn nở tương tự mô răng thật giúp giảm thiểu áp lực lên vùng biên của miếng trám. Độ bền nén và độ bền uốn cao. Chịu độ ẩm tốt. Chỉ định: xoang I; xoang II ít chịu lực, trám tái tạo cùi. Fuji 9 cho miếng trám có độ bền cao và vững ổn, khít sát xoang trám, hạn chế vi kẽ. Dễ trộn và sử dụng.	Gam	180
3	Xi măng gắn Fuji I	Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp được sử dụng rộng rãi. GIC (Glass Ionomer cement) là vật liệu phục hồi có ưu điểm bám dính tốt vào men, đồng thời có khả năng phóng thích Fluor vì vậy có tác dụng dự phòng sâu răng.Gắn kết thúc cho mão răng – cầu răng kim loại, inlay – onlay – chốt kim loại và toàn sứ có độ bền uốn cao. Có thể trám lót dưới các vật liệu trám khác,trám thẩm mỹ cho các xoang III và V của răng trước, tái tạo cùi răng cho phục hình, và trám lót, Trám nền hoặc trám lót, trám răng sữa và răng vĩnh viễn ở mọi lứa tuổi.Liên kết hóa học với cấu trúc răng và kim loại.Tăng cường độ cứng chắc và đường viền khít sát.Giảm vi kẽ và hầu như không bị rửa trôi.Cơ chế đông cứng: hóa trùng hợp.Liên kết hóa học với mô răng thật cho đường hoàn tất hoàn hảo, đồng nhấtDễ thao tác, không cần etch và bond, dễ dàng loại bỏ cement thừa.Tương hợp sinh học tốt với mô tuỷ.Có tính cản quang tốt, có tính snap-set.	Gam	35

4	Xi măng gắn Fuji Plus	Là loại xi măng gắn glass ionomer lai không truyền tải lực, Fuji PLUS có thời gian làm việc kéo dài hỗ trợ việc gắn các cầu dài, phục hình kết hợp và gắn nhiều phục hồi một lúc. Vật liệu gắn đa năng sử dụng được cho đa dạng các loại phục hình: mão – cầu kim loại hoặc sứ – kim loại và tất cả các loại hình mão, inlay, onlay và cầu răng bằng acrylic/ nhựa. Dễ trộn và thao tác, liên kết mạnh mẽ với cấu trúc răng thông qua lực dán chắc chắn Fuji Plus có thời gian đông khô trung bình, giúp thuận tiện trong quá trình gắn. Khả năng giảm kích ứng tốt đối với những cùi răng sống. Độ mỏng tối đa, có tính linh hoạt, ổn định và khít sát trên răng, không gây nhạy cảm răng sau gắn Cản quang, phóng thích fluoride liên tục	Gam	15
5	Etching nha khoa	Etching bề mặt răng để sửa soạn trước khi dán (trám) là một quy trình quan trọng trong thực hành nha khoa, Quá trình etching trên ngà răng thì acid phosphoric có tác dụng khử khoáng một phần và bộc lộ collagen để keo dán có thể xâm nhập vào mạng lưới collagen bộc lộ và hình thành lớp lai	Gam	24
6	Bond nha khoa	Keo dán Te-econom total-etch, quang trùng hợp có lực dán mạnh, hiệu quả, kết nối với men răng và ngà răng, dùng sau bước Etching để hình thành lớp lai.	Gam	24
7	Composite nhộng	Composite có độ co thấp, lực co ít, độ kháng mài mòn cao, độ bóng cao, màu sắc tự nhiên, tính ổn định cao, bền màu, không dính vào dụng cụChỉ định trám thẩm mỹ vùng răng trước và răng sau	Nhộng	30
8	Composite đặc tuýp	Thành phần: hạt độn Ziconia silica, có độ cứng và độ mòn tối đa. Thao tác thuận tiện, cho phép đắp Composite dễ dàng, không dính dụng cụ, có độ đục tương ứng với men và ngà, giúp đạt độ thẩm mỹ tối ưu. Dễ dánh bóng, chiếu đèn 20s. Chỉ định: trám răng trước, răng trong, kỹ thuật sandwich với GIC, tạo múi, tạo cùi, phục hình inlay, onlay	Gam	16

9	Composite lỏng tuýp	Vật liệu phục hồi nha khoa gốc polymer, composite lỏng quang trùng hợp- cản quang và có độ nhớt thấp nên dễ dàng đánh bóng Có thẩm mỹ vượt trội và kháng mài mòn tốt, nên tồn tại lâu dài	Gam	16
10	Thuốc tê bôi nha khoa	Thành phần: Benzocaine 20% Thuốc tê bôi bề mặt, hương dâu dễ sử dụng, đặc biệt cho trẻ em. Phù hợp những trường hợp không cần gây tê sâu như để nhổ răng sữa lung lay, chuẩn bị trước khi tiêm tê tại chỗ…	gam	240
11	Chổi đánh bóng	Là dụng cụ nha khoa, có tác dụng loại bỏ vết bẩn và đánh bóng bề mặt răng. Chổi có đầu cọ là len nylon chịu nhiệt độ cao, giúp giảm nhiễm trùng răng do vi khuẩn và bảo vệ răng tốt hơn. Tay cầm kim loại của chổi được làm bằng đồng nguyên chất, mạ niken Màu chổi: Trắng/Nhiều màu sắc Chiều dài: 3 cm Đường kính đầu chổi: 0,2cm	Cái	150
12	Mũi khoan kim cương	Mũi khoan kim cương cho hiệu quả cắt nhanh và mượt mà, đặc biệt khi cần cắt với độ chính xác cao. Kích thước hạt kim cương càng lớn sẽ cho hiệu quả cắt nhanh, loại bỏ vật liệu hiệu quả hơn; ngược lại, hạt kim cương mịn sẽ tạo độ láng bóng cho bề mặt hơn	Cái	60
13	Kim nha khoa 2 đầu	Dùng gây tê tại chỗ hoặc gây tê vùng trong nha khoaKim được làm từ vật liệu cao cấp, an toàn khi sử dụng,Mặt kim vát và sắc bén giảm thiểu chấn thương, hạn chế gây đau đớn khó chịu cho bệnh nhân.Kim 27G x 0.4 – 21mm (kim ngắn)Kim 27G x 0.4 – 30mm (kim dài)	Cái	200
14	UltraCal XS	Hydroxide Calci 35% PH 12,5 Có khả năng kích thích sự lành thương Cản quang Dùng để đặt thuốc ống tủy, ống tủy nhiễm trùng Kích thích sự đóng chóp trong việc điều trị tủy răng vĩnh viễn ở trẻ em	Tuýp 1.2ml	8

15	Chỉ co lợi	Được làm từ 100% cotton, được tẩm qua epinephrine HCI hoặc aluminum sulfate để cầm máu. Chỉ có cấu trúc sợi xoắn, được đan dệt chắc chắn, ổn định. Kích thước: 0, 00, 000	Lọ	4
16	Eugenol	Eugenol có đặc tính chống viêm, bảo vệ thần kinh, hạ sốt, chống oxy hóa, kháng nấm và giảm đau, được sử dụng như một chất khử trùng tại chỗ, chống viêm và chống kích ứng. Khi trộn với kẽm oxit nó được sử dụng như một chất trám răng bằng anodyne để dùng tạm thời.	Lọ 29.6ml	2
17	Chất hàn ống tủy Cortisomol	Thuốc trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. Vật liệu có tính tương hợp sinh học và cản quang. Hỗ trợ giảm đau kháng viêm. Độ hòa tan thấp, gắn kết tốt với cone gutta percha. Thành phần chính: Presnison Acetate.	Gam	50
18	Keo chống ê buốt	Là một vật liệu làm giảm, ngăn ngừa sự nhạy cảm ngà và sự nhạy cảm sau điều trị với nguyên tắc làm giảm sự chuyển dịch trên những ống ngà Làm sạch xoang nhờ tính chất diệt khuẩn Làm tăng khả năng kết dính của keo do làm lỏng những cấu trúc collagen giúp cho chất keo thấm vào ngà Thành phần: Polyethylene glycoldimethacrylate và glutaraldehyde	Gam	20
19	Giấy thử cắn	Đặc điểm: + Mềm, mịn, không dính, cho dấu răng rõ ràng. + Độ dai cao, kháng rách. + Độ dày 101.6µm.	Hộp	4
20	Côn giấy nha khoa	Côn giấy thấm hút nhanh, hiệu quả, cần thiết trong quá trình điều trị nội nha. Vạch đo chiều dài giúp dễ dàng kiểm soát khi sử dụng.	Cây	1,000
21	Ống hút nước bọt	Ống hút nước bọt sử dụng 1 lần.Chất liệu nhựa tốt, mềm mại dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng.	Cái	800
22	Cọ quét keo nha khoa	Cọ quét keo với đầu lông mịn, không rụng lông tơ khi sử dụng, không tan trong môi trường miệng hay dung môi trong vật liệu nha khoa.	Cái	500

23	Cốc đánh bóng nha khoa	Dùng đánh bóng sau khi cạo vôi răng, trám răng. - Thành phần: 1.23% Flourid, không chứa Gluten. - Hương bạc hà/ hương dâu.	Cái	150
24	Dung dịch bơm rửa tủy Chloraxid 5,25%	Dung dịch bơm rửa tủy thành phần Sodium Hypochlorite 5,25% được pha sẵn, có tác dụng làm sạch ống tủy, lấy đi lớp bám bẩn thâm nhiễm trên thành ống tủy. Nồng độ dung dịch cao phù hợp bơm rửa làm sạch tủy thối, viêm tủy mãn nhiễm trùng tủy nặng.	Chai 200g	4
25	Dung dịch bôi trơn ống tủy EDTA 17%	Dung dịch bôi trơn ống tủy EDTA 17% (axit etylenglicoltetraaxetic) là một hợp chất axit amin, một chất tạo chelate mạnh để loại bỏ các mô vô cơ (lớp mùn ngà) và bôi trơn ống tủy trong nội nha. EDTA được sử dụng ở dạng dung dịch trung hòa 17% (pH 8,5) để làm mềm lớp vôi hóa , loại bỏ lớp mùn ngà, cho phép thao tác trâm nội nha (tạo hình ống tủy) và khử khuẩn trong ống tủy nhỏ hoặc bị vôi hóa về phía chóp.	Chai 15ml	2
26	Dung dịch Chlorhexidine 2%	Hiệu quả trong việc bơm rửa ổ nhiễm trùng và băng thuốc. Ngoài ra, dung dịch CHX 2% của CanalPro cũng được dùng để làm sạch và khử trùng xoang răng trước khi trám hoặc gắn cầu mão. Dung dịch sát trùng Chlorhexidine 2% có hoạt tính kháng khuẩn lâu và hiệu quả nhất.	Chai 200g	4
27	Đê cao su	Bộ đặt đê cao su bao gồm các dụng cụ và vật liệu: Đê cao su Clamp Khung đê Kềm bấm đê cao su Kềm đặt clamp Chêm Wedjets	Bộ	1
28	K-File	Dụng Cụ Nội Nha Bằng Thép Không Gỉ Với Tay Cầm NhựaK file (ký hiệu: vuông) dùng mở rộng, nạo thành ống tủyBộ dụng cụ thăm dò đường vào ống tủy trong quá trình điều trị nội nhaFile mảnh, dẻo, sắc bén, độ thuôn chính xácThép sợi Hard Fiber giúp bề mặt lưỡi cắt sắc bén, bóng loáng và ngăn chặn vết nứt vi kẽ.Độ thuôn chính xác, cán cầm chống trượt.	Bộ	20

29	H-File	Dụng Cụ Nội Nha Bằng Thép Không Gỉ Với Tay Cầm Nhựa. Bộ dụng cụ không thể thiếu trong quá trình sửa soạn ống tủy nội nha H file (ký hiệu: tròn) dùng mở rộng, dũa thành ống tủy Thép sợi Hard Fiber giúp bề mặt lưỡi cắt sắc bén, bóng loáng và ngăn chặn vết nứt vi kẽ. Độ thuôn chính xác, cán cầm chống trượt.	Bộ	20
30	D-File	Sự kết hợp của loại thép chống gỉ được xử lý đặc biệt cùng mặt cắt ngang hình chữ D đã khiến cho độ cứng của sản phẩm D-Finder tăng lên đến 50% so với sản phẩm K-files thông thường. Điều này sẽ tăng cường lực xuyên của sản phẩm, đặc biệt cần thiết khi chuẩn bị đường trượt cho ống tuỷ bị thu hẹp do canxi hoá. Với kích thước theo chuẩn ISO Vật liệu có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao Khả năng chống đứt gãy cao Độ cứng cao, đặc biệt phù hợp với những ống tuỷ bị canxi hoá nặng Rãnh cắt được tạo hình để hạn chế hiện tượng file bị hút vào ống tủy	Bộ	2
31	C-File	Được làm từ thép không gỉ cao cấp, chuyên dùng thăm dò và sửa soạn các ống tủy khó, nhỏ, canxi hóa. Khả năng cắt tốt hơn, nhanh hơn. Đầu trâm tù, không cắt xuyên qua thành ống tủy nên an toàn trong quá trình sửa soạn.	Bộ	2
32	Mũi khoan Gate	Chất liệu thép không gỉ cao cấp giúp tăng khả năng khoan cắt và mở rộng ống tuỷ nhanh chóng. Dùng mở miệng ống tủy và tạo sự liên tục giữa vách ống tủy và thành buồng tủy. Sử dụng với tay khoan chậm. Tốc độ: 800-1200 r.p.m	Bộ	2
33	Mũi tròn tay khoan chậm	Vật liệu là thép mềm đặc biệt, tác dụng loại bỏ ngà sâu một cách nhanh chóng, bảo tồn nguyên vẹn ngà lành, hạn chế tổn thương, giảm ê buốt sau hàn trámĐặc điểm: Có khả năng chống gỉ tốt, chịu được hấp sấy, độ bền cao, sử dụng với tay khoan chậm	Bộ	3
34	Chỉ nha khoa	Chỉ có lớp phủ sáp nhẹ và kết cấu chắc chắn, dễ dàng trượt giữa các răng. Dài 50m/Lọ	Lọ	50
TỔNG CỘNG			**161 MẶT HÀNG**	